



chāo mó

超模

noun · supermodel

Example Sentences

zhè wèi chāo mó dēng shàng le guó jì zá zhì de fēng miàn

这位超模登上了国际杂志的封面。

This supermodel appeared on the cover of an international magazine.

hěn duō chāo mó zài shí zhuāng zhōu shàng zǒu xiù

很多超模在时装周上走秀。

Many supermodels walk the runway during fashion week.

Trace each character, then write the word on your own.

超	超	超	超	超	超	超	超	超	超	超
超	超	超	超							
模	模	模	模	模	模	模	模	模	模	模
模	模	模	模	模	模					